TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2022/HS-ST
Ngày 04/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Trần Nhượt.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Trần Hoàng V - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 15 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn V (tên gọi khác: B), sinh ngày 19/10/1995, tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: công nhân thu gom rác; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hiền L, sinh năm 2003 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 08/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 19/2017/HSST; ngày 24/11/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên khởi tố về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam để điều tra trong vụ án khác. *Có mặt*.

2. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 24/6/2001, tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ xây dựng; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S, sinh năm 1965 và bà Trần Thị N, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 24/9/2018, Công an xã Cẩm Kim, thành phố Hội An xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*; ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 27/2019/HSST; ngày 04/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 03/2020/HSST.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. *Có mặt*.

3. Huỳnh Đ (tên gọi khác: Đ trung quốc), sinh ngày 05/6/1990, tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ xây dựng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh S, sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: ngày 08/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 19/2017/HSST; ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 27/2019/HSST. Nhân thân: ngày 25/6/2016, bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản *(bản án số 19/2017/HSST ngày 08/11/2017)*; ngày 24/11/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên khởi tố về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam để điều tra trong vụ án khác. *Có mặt.*

- *Bị hại:* ông Lưu Hải N, sinh năm 1964. Trú tại: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Hà Ngọc T, sinh năm 1983. Trú tại: thôn Đ, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*.

+ Anh Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1997. Trú tại: thôn V, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*.

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988. Trú tại: thôn H, xã D, huyện D, tỉnh

Quảng Nam. *Vắng mặt*.

+ Anh Lê Tấn L, sinh năm 1992. Trú tại: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 08/7/2021, các bị cáo V, T và Đ ngồi chơi trò chơi điện tử *(chơi game)* tại quán Blue thuộc thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên. Khi đang chơi game thì bị cáo V nói với bị cáo T *"đi kiếm tiền"*, ý của bị cáo V là đi tìm nhà nào có sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp, bị cáo T đồng ý. Bị cáo V điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 92F1-248.88 chở bị cáo T đi tìm tài sản trộm cắp. Lúc này bị cáo Đ ngồi chơi game không biết việc bị cáo V và bị cáo T đi trộm cắp. Bị cáo V điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đến khu vực thôn Dưỡng Mông, xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam thì phát hiện nhà ông Lưu Hải N không đóng cửa, bị cáo T nói với bị cáo V dừng xe lại để bị cáo T vào trong nhà lấy trộm tài sản. Bị cáo V dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới còn bị cáo T đi vòng ngoài tường rào bên trái ngôi nhà *(hướng từ nhà nhìn ra)* để tìm đường vào nhưng không được nên lại sát tường rào bỏ đôi dép *(trên dép có chữ Winner)* rồi leo qua tường rào để vào bên trong khuôn viên nhà ông N. Bị cáo T đi vào trong nhà phát hiện một bộ máy tính xách tay gồm: 01 máy tính hiệu Sony Vaio màu đen, 01 dây sạc và 01 con chuột diện tử để trên nền nhà. Bị cáo T lấy bộ máy tính này ra vị trí bị cáo V đang đứng để đưa cho bị cáo V rồi vào lại nhà ông N thì nhìn thấy trên ghế sa lông có 01 cái quần vải, 01 áo sơ mi trắng và 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia I trên nền nhà nên bị cáo T lấy bộ quần áo và điện thoại này rồi đi ra phía sau nhà ông N lục trong túi quần thấy một ví da màu đen nên bỏ lại quần áo rồi lấy ví da và điện thoại ra lại vị trí bị cáo V đang đứng đợi.

Sau khi lấy được tài sản, bị cáo V điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đi đến cầu Tân Tây (*thuộc thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*). Tại đây, bị cáo T lấy ví da ra kiểm tra bên trong có số tiền 220.000 đồng và 01 thẻ ATM Agribank. Bị cáo T lấy tiền xong vứt lại cái ví da kèm thẻ ATM xuống đường và đưa cho bị cáo V 100.000 đồng, bị cáo T lấy 100.000 đồng, còn 20.000 đồng bị cáo T trả tiền chơi game. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi về đến trước quán Blue, các bị cáo V, T gặp bị cáo Đ đang đứng ở đây. Bị cáo T lấy cái máy tính xách tay đang giấu trong áo trước ngực ra đưa cho bị cáo Đ và nói: *"Đem về nhà cất đi, còn dây sạc và con chuột ở trong cóp xe"*. Bị cáo Đ lúc này biết rõ đây là tài sản do bị cáo T và bị cáo V trộm cắp mà có nên bị cáo Đ điều khiển xe mô tô 92F1-248.88 đem máy tính xách tay về nhà nội của bị cáo Đ *(tại thôn Vân Quật, xã Duy Thành,*

huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, nhà không có người ở) cất giấu. Đến khoảng 12 giờ ngày 08/7/2021, bị cáo V và bị cáo T đến nhà nội của bị cáo Đ kiểm tra thấy máy tính xách tay bị hư nên mang đến cửa hàng máy tính Đại Huỳnh Quang tại thị trấn Nam Phước để sửa. Nhân viên sửa chữa của cửa hàng nói sửa máy tính hết 400.000 đồng. Do không có tiền, bị cáo V và bị cáo T lấy diện thoại di động hiệu Sony Xperia I màu vàng đến cửa hàng điện thoại di động Hòa Hiệp *(do anh Phạm Văn H làm chủ)* cầm được 500.000 đồng, còn sim diện thoại bị cáo V làm mất ở đầu không nhớ. Sau đó, bị cáo V và bị cáo T mang tiền quay lại cửa hàng Đại Huỳnh Quang lấy máy tính rồi bị cáo V liên lạc cho anh Lê Tấn L để nhờ anh L tìm người mua giúp. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo V và anh L đem bộ máy tính xách tay đến nhà trọ của anh Hà Ngọc T bán cho anh T với giá 2.700.000 đồng. Bị cáo V lấy 500.000 đồng để đi lấy lại điện thoại hiệu Sony Xperia I màu vàng đã cầm trước đó. Bị cáo V đưa cho bị cáo T 700.000 đồng và một thẻ nạp tiền điện thoại mệnh giá 50.000 đồng, cho bị cáo Đ 50.000 đồng và một thẻ nạp tiền điện thoại mệnh giá 50.000 đồng và cho anh Lịch 700.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo V tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mất tài sản, đến ngày 19/7/2021, ông N báo cáo cơ quan Công an.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2021 và số 21 KL-HĐĐGTS ngày 13/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Quế Sơn kết luận tổng giá trị định giá là 3.575.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo V và bị cáo T trộm cắp có giá trị là 3.795.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 đôi dép bằng nhựa su, màu đà, trên dép có chữ Winner mà bị cáo T bỏ lại hiện trường; 01 bộ máy tính xách tay hiện Sony Vaio, màu đen, gồm: 01 máy tính, 01 dây sạc và 01 con chuột điện tử; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia I, màu vàng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 92F1-248.88.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKSQS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo V và T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Đ về tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo V, T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo Đ phạm tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo V từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đ từ 36 đến 39 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo V, T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Hà Ngọc T số tiền 2.700.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép bằng nhựa su, màu đà, trên dép có chữ Winner của bị cáo T.

Truy thu: anh Lê Tấn L 700.000 đồng, bị cáo Đ 100.000 đồng, bị cáo V 100.000 đồng và bị cáo T 120.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của những người trên không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo V, T và Đ đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 01 giờ ngày 08/7/2021, tại nhà ông Lưu Hải N thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, các bị cáo V và T lợi dụng nhà ông N không đóng cửa, đã lén lút trộm cắp của ông N một bộ máy tính xách tay gồm: 01 máy tính, 01 dây sạc và 01 con chuột điện tử; 01 điện thoại Sony Xperia I, màu vàng kèm 01 thẻ sim; 01 cái ví da bên trong có số tiền 220.000 đồng và 01 thẻ ATM Agribank. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.795.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo V và T đã phạm tội *"trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khi các bị cáo V, T rủ nhau đi trộm cắp tài sản, bị cáo Đ không biết. Sau khi trộm cắp, các bị cáo V và T đã giao tài sản cho bị cáo Đ cất giữ và khi nhận tài sản, bị cáo Đ biết là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn cất giữ. Hành vi của bị cáo Đ tuy không có hứa hẹn trước nhưng chứa chấp tài sản biết rõ là do các bị cáo V, T trộm cắp mà có. Bị cáo Đ đã tái phạm *(Bản án số 27/2019/HSST ngày 29/7/2019)*, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, bị cáo Đ đã phạm tội "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"* với tình tiết định khung*"tái phạm nguy hiểm"* quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do đó, Cáo trạng số 02/CT-VKSQS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo: quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng do lười lao động, thích hưởng thụ nên các bị cáo V, T đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài cá nhân; bị cáo Đ vì muốn hưởng lợi từ bị cáo V và bị cáo T mà chứa chấp tài sản do các bị cáo này trộm cắp. Trong vụ án, bị cáo V là người rủ bị cáo T đi trộm cắp; bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo V đứng ngoài cảnh giới nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc hay phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo V không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân xấu: ngày 08/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số

19/2017/HSST; ngày 24/11/2021, bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên khởi tố về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Bị cáo T không có tiền án, tiền sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân xấu: ngày 24/9/2018, Công an xã Cẩm Kim, thành phố Hội An xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*; ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 27/2019/HSST và ngày 04/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xử phạt 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 03/2020/HSST.

Bị cáo Đ không có tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tiền án: ngày 08/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 19/2017/HSST và ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 27/2019/HSST; ngày 24/11/2021, bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên khởi tố về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét nhân thân và việc các bị cáo chưa khắc phục hậu quả, thể hiện các bị cáo không có ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lưu Hải N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh Phạm Văn H đã nhận lại số tiền 500.000 đồng. Ông N và anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hà Ngọc T yêu cầu bị cáo V trả số tiền 2.700.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo V, T thống nhất trả cho anh T số tiền là 2.700.000 đồng, mỗi bị cáo trả số tiền 1.350.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo V, T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền 2.700.000 đồng, mỗi bị cáo trả số tiền 1.350.000 đồng.

[7]. Các biện pháp tư pháp:

Về số tiền mà bị cáo V cho bị cáo Đ 100.000 đồng *(50.000 đồng và thẻ nạp tiền điện thoại 50.000 đồng)*, cho anh L 700.000 đồng. Đây là số tiền do bị cáo V bán bộ máy tính trộm cắp mà có nên truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về số tiền 220.000 đồng, các bị cáo V, T đã trộm cắp của ông N. Ông N không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này nhưng đây là tài sản do trộm cắp tài sản

mà có nên truy thu của bị cáo V 100.000 đồng, bị cáo T 120.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[8]. Về xử lý vật chứng:

01 bộ máy tính xách tay hiệu Sony Vaio, màu đen, gồm: 01 máy tính, 01 dây sạc và 01 con chuột điện tử; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia I, màu vàng, Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn đã trả lại cho ông N là đúng quy định của pháp luật.

Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 92F1 - 248.88 là phương tiện bị cáo T sử dụng để đi trộm cắp, thuộc sở hữu của anh Nguyễn Đình Tr, anh Tr không biết bị cáo T sử dụng xe để trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn trả lại chiếc xe trên cho anh Tr là phù hợp.

01 đôi dép bằng nhựa su, màu đà, trên dép có chữ Winner, là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo T, hiện không còn giá trị sử dụng và bị cáo T không có nhu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[9]. Những vấn đề khác trong vụ án:

Việc anh T đã mua bộ máy tính xách tay, anh H đã nhận cầm cố điện thoại di động mà các bị cáo V, T trộm cắp, anh L đã giúp bị cáo V tìm người mua bộ máy tính xách tay. Tuy nhiên, những người này không biết tài sản trên do các bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý là phù hợp.

Đối với cửa hàng mua máy vi tính Đại Huỳnh Quang, quá trình điều tra không xác định được họ, tên người sửa máy tính nên không xử lý là phù hợp.

01 sim di động có số thuê bao 0326268323, 01 cái ví da và thẻ ATM Agribank không truy tìm được, ông N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo V và bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; bị cáo Huỳnh Đ phạm tội *"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Huỳnh Đ 03 *(ba)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 288 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V và bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Hà Ngọc T số tiền 2.700.000 *(hai triệu bảy trăm nghìn)* đồng *(mỗi bị cáo trả 1.350.000 đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép bằng nhựa su, màu đà, trên dép có chữ Winner.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/12/2021).

4. Các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015

Truy thu: bị cáo Huỳnh Đ số tiền 100.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 100.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 120.000 đồng và anh Lê Tấn L số tiền 700.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: căn cứ Điều 23 và Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T và Huỳnh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo V, T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/3/2022). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Phòng Hồ sơ CA huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ